UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 05

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ KHOẢN CHI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 4426/QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG	**130.715.000**	**49.500.000**	**19.343.000**	**4.870.000**	**1.481.000**	**270.000**	**9.762.000**	**743.000**	**1.621.000**	**9.610.000**	**1.800.000**
I	**Chi hành chính nhà nước**	**242.000**	**46.000**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**46.000**	**-**	**-**
	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	242.000	46.000							46.000		
II	**Chi sự nghiệp**	**130.473.000**	**49.454.000**	**19.343.000**	**4.870.000**	**1.481.000**	**270.000**	**9.762.000**	**743.000**	**1.575.000**	**9.610.000**	**1.800.000**
II.1	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**130.262.000**	**49.454.000**	**19.343.000**	**4.870.000**	**1.481.000**	**270.000**	**9.762.000**	**743.000**	**1.575.000**	**9.610.000**	**1.800.000**
1	**Chi thường xuyên bộ máy các đơn vị sự nghiệp**	**79.698.000**	**49.454.000**	**19.343.000**	**4.870.000**	**1.481.000**	**270.000**	**9.762.000**	**743.000**	**1.575.000**	**9.610.000**	**1.800.000**
	Chương 422 khoản 070 loại 072	**646.840**	**270.000**	**-**	**-**	**-**	**270.000**		**-**	**-**	**-**	**-**
1	Trường CB Hy Vọng Quy Nhơn	646.840	270.000				270.000					
	Chương 422 khoản 070 loại 073	**17.833.550**	**17.103.000**	**12.584.000**	**3.169.000**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**1.350.000**
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT An Lão	5.785.320	5.544.000	4.068.000	1.026.000							450.000
2	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	6.188.910	5.942.000	4.389.000	1.103.000							450.000
3	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	5.859.320	5.617.000	4.127.000	1.040.000							450.000
	Chương 422 khoản 070 loại 074	**61.217.610**	**32.081.000**	**6.759.000**	**1.701.000**	**1.481.000**	**-**	**9.762.000**	**743.000**	**1.575.000**	**9.610.000**	**450.000**
1	Trường Quốc học- Quy Nhơn	582.011	349.855						17.366	49.334	283.155	
2	Trường THPT Trưng Vương	631.680	378.600						19.678	60.224	298.698	

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Tr. THPT Chuyên Lê Quý Đôn	5.498.027	5.289.362					5.042.000	12.262	51.444	183.656	
4	Trường THPT Hùng Vương	471.842	254.087						15.500	66.424	172.163	
5	Trường THPT Bùi Thị Xuân	3.312.572	248.797						15.478	47.311	186.008	
6	Trường THPT số 1 Tuy Phước	640.180	233.675						17.693	32.431	183.551	
7	Trường THPT số 2 Tuy Phước	462.098	171.803						13.326	32.801	125.676	
8	Trường THPT Nguyễn Diêu	499.143	190.208						17.024	29.091	144.093	
9	Trường THPT số 3 Tuy Phước	446.831	143.521						12.919	23.611	106.991	
10	Trường THPT Quang Trung	637.587	205.618						15.019	28.081	162.518	
11	Trường THPT Võ Lai	352.025	118.250						10.250	24.151	83.849	
12	Trường THPT Tây Sơn	506.928	173.851						14.892	33.361	125.598	
13	Trường THPT số 1 An Nhơn	480.034	210.934						16.483	32.401	162.050	
14	Trường THPT số 2 An Nhơn	509.021	212.021						15.760	29.401	166.860	
15	Trường THPT số 3 An Nhơn	574.791	209.381						16.222	33.691	159.468	
16	Trường THPT Hòa Bình	481.869	150.019						13.516	19.371	117.132	
17	Trường THPT số 1 Phù Cát	534.531	212.311			6.480			15.415	20.331	170.085	
18	Trường THPT số 2 Phù Cát	427.734	157.577						13.990	15.681	127.906	
19	Trường THPT số 3 Phù Cát	532.810	186.268						12.951	18.081	155.236	
20	Tr. THPT Nguyễn Hồng Đạo	427.993	164.608			3.240			15.425	22.081	123.862	
21	Tr. THPT Ngô Lê Tân	596.535	173.755						14.022	16.931	142.802	

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Trường THPT số 1 Phù Mỹ	597.070	243.320						14.931	31.281	197.108	
23	Trường THPT số 2 Phù Mỹ	632.744	273.672						14.418	32.561	226.693	
24	Trường THPT An Lương	373.183	132.973						11.540	24.491	96.942	
25	Trường THPT Mỹ Thọ	580.596	196.236						12.088	25.921	158.227	
26	Trường THPT Tăng Bạt Hổ	641.219	251.489						16.461	21.361	213.667	
27	Trường THPT Nguyễn Trân	611.740	285.930						16.812	30.561	238.557	
28	Trường THPT Nguyễn Du	698.608	234.033						16.005	34.011	184.017	
29	Trường THPT Lý Tự Trọng	539.180	216.790						15.817	33.601	167.372	
30	Trường THPT Võ Giữ	462.463	128.823						12.159	22.081	94.583	
31	Trường THPT Hoài Ân	486.931	154.811						10.996	15.121	128.694	
32	Tr. THPT Trần Quang Diệu	1.060.765	158.133						13.075	18.791	126.267	
33	Trường THPT An Lão	1.071.774	45.899						10.988	34.911	-	
34	Tr.PTDTNT THCS&THPT An Lão	2.934.170	888.738			758.160			10.206	43.301	77.071	
35	Trường THPT Vĩnh Thạnh	959.282	121.265						14.191	27.741	79.333	
36	Trường THPT Vân Canh	262.165	37.008			3.240			10.857	22.911	-	
37	Trường PTDTNT-THPT Bình Định	9.381.689	8.949.762	6.759.000	1.701.000				9.460		30.302	450.000
38	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	3.232.422	671.735			547.560			9.917	28.761	85.497	
39	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	2.850.153	195.785			155.840			8.904	31.041	-	
40	Trường THPT Trần Cao Vân	432.157	213.187						16.945	68.664	127.578	

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
41	Trường Nguyễn Thái Học	478.915	231.550						14.727	61.994	154.829	
42	Trường THPT Xuân Diệu	545.354	151.784						14.727	19.991	117.066	
43	Trường THPT Nguyễn Huệ	717.529	139.367			6.480			15.087	23.931	93.869	
44	Tr. THPT Nguyễn Đình Chiểu	513.943	142.603						13.816	21.771	107.016	
45	Trường THPT Nguyễn Tường Tộ	431.442	126.972						14.112	32.311	80.549	
46	Trường THPT Ngô Mây	489.217	148.657						13.714	19.641	115.302	
47	Tr. THPT Nguyễn Hữu Quang	372.371	55.031						10.831	14.331	29.869	
48	Tr. THPT Nguyễn Trung Trực	324.999	26.559						11.318	15.241	-	
49	Trường THPT Bình Dương	341.714	41.519						14.718	26.801	-	
50	Tr. THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	975.749	57.259						10.810	22.131	24.318	
51	Trường THPT Phan Bội Châu	999.282	116.382						13.980	20.611	81.791	
52	Trường THPT Tam Quan	475.218	144.963						18.893	32.401	93.669	
53	Trường THPT chuyên Chu Văn An	5.071.990	4.810.530					4.720.000	15.306	30.501	44.723	
54	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.065.334	3.053.734								3.053.734	
2	**Chi nghiệp vụ**	**10.636.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**
1	Chính sách học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	-	-									

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Chính sách hỗ trợ thêm tiền ăn học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	-	-									
3	Hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số theo Quyết định 84/QĐ-UBND	-	-									
4	Hỗ trợ trường chuyên biệt Hy Vọng Quy Nhơn	-	-									
5	Hỗ trợ kinh phí cho trường chuyên theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	-	-									
6	Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh thiếu niên, phòng chống tham nhũng	-	-									
7	Kinh phí chọn sách giáo khoa lớp 5, 9 và 12 năm học 2024-2025	845.000	-									
8	Kinh phí thẩm định tài liệu giáo dục địa phương lớp 5, 9 và 12 năm học 2024-2025	107.000	-									
9	Chi tập trung chuyên môn toàn Ngành	5.053.000	-									
10	Chi hoạt động thể dục, thể thao học sinh toàn ngành	2.527.000	-									

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	-	-									
12	Hỗ trợ kinh phí công tác thanh tra	270.000	-									
13	Chi đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục (Theo Thông tư 56/2021/BTC)	1.092.000	-									
14	Hỗ trợ kinh phí Đảng bộ cơ sở	-	-									
15	Kinh phí xét thăng hạng giáo viên và thi tuyển dụng viên chức	715.000	-									
16	Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg	27.000	-									
17	Hỗ trợ kinh phí ôn thi tốt nghiệp cho các trường PTDTNT	-	-									
18	Hỗ trợ kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-
19	Hỗ trợ kinh phí học sinh theo Nghị định số 116/NĐ-CP	-	-									

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	Hỗ trợ kinh phí học sinh khuyết tật theo Thông tư Liên tịch số 42	-	-									
3	**Mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất**	**39.928.000**	-									
1	Trả nợ khối lượng xây dựng đã hoàn thành các công trình sửa chữa, bảo dưỡng	495.000	-									
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất các trường học	30.690.000	-									
3	Hỗ trợ kinh phí trường mới thành lập	-	-									
4	Mua sắm thiết bị dạy học lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông mới cho cấp THCS của các trường PTDTNT	-	-									
5	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo của thư viện lớp 12 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	-	-									
6	Mua sắm bàn ghế theo chuẩn	8.743.000	-									

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (cột 1 phụ lục 05 cộng cột 1 phụ lục 06)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024 (phụ lục 05)	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách học sinh dân tộc học nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách thêm tiền ăn học sinh dân tộc học nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	Dự toán hỗ trợ kinh phí cho học sinh DTTS theo QĐ 84	Dự toán kinh phí hỗ trợ của trường chuyên biệt Hy Vọng	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trường chuyên	Dự toán hỗ trợ kinh phí giáo dục phòng chống tham nhũng	Hỗ trợ hoạt động đảng bộ cơ sở	Dự toán hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh	-	-									
8	Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	-	-									
9	Mua sắm máy vi tính dạy học cho trường mới thành lập	-	-									
C	**Chi sự nghiệp môi trường**	**183.000**	-									
	Văn phòng Sở GD và ĐT	183.000	-									
D	**Chi đào tạo, bồi dưỡng**	**28.000**	-	-	-	-	-		-	-	-	-
	Văn phòng Sở GD và ĐT	28.000	-									